**LUYỆN TẬP SINH 9**

**CHỦ ĐỀ: BIẾN DỊ**

CÂU 1: Thế nào là đột biến gen?

1. những biến đổi trong cấu trúc của gen, liên quan đến một hoặc một số cặp nuclêôtit.
2. những biến đổi trong cấu trúc của gen, liên quan đến một cặp nuclêôtit.
3. những biến đổi trong cấu trúc của gen, liên quan đến một số cặp nuclêôtit.
4. những biến đổi trong cấu trúc của nhiễm sắc thể, liên quan đến một hoặc một số cặp nuclêôtit.

CÂU 2: Đột biến gen gồm các dạng nào?

A. mất, thêm hay thay thế một hoặc một số cặp nuclêôtit.

B. mất hay thay thế một hoặc một số cặp nuclêôtit.

C. thêm hay thay thế một hoặc một số cặp nuclêôtit.

D. mất hay thay thế một hoặc một số cặp nuclêôtit.

CÂU 3:Trong các tác nhân gây đột biến gen sau, đâu là tác nhân hóa học?

1. 5 – brôm uraxin.
2. Tia tử ngoại.
3. Virut hecpet.
4. Sốc nhiệt.

CÂU 4: Đặc điểm của đột biến gen là gì?

1. biến dị di truyền được.
2. biến dị không di truyền.
3. không tạo ra alen mới.
4. tần số đột biến với mỗi gen thường cao.

CÂU 5: Trong các ví dụ sau đây, đâu không phải là ví dụ về đột biến gen?

1. Cây mạ mất khả năng tổng hợp diệp lục.
2. Cây lúa tăng khả năng chịu hạn và chịu rét.
3. Hồng cầu hình liềm.
4. Sự thay đổi về cơ thể của trẻ khi đến tuổi dậy thì.

CÂU 6: Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể là gì?

1. những biến đổi trong cấu trúc nhiễm sắc thể
2. những biến đổi trong cấu trúc gen
3. những biến đổi về số lượng nhiễm sắc thể
4. những biến đổi biến đổi trong cấu trúc ADN

CÂU 7: Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể không có dạng nào sau đây?

1. Mất đoạn
2. Lặp đoạn
3. Đảo đoạn
4. Chuyển nucleotit

CÂU 8: Dạng đột biến nào sau đây gây ảnh hưởng nghiêm trọng nhất đến sức sống, sức sinh sản của sinh vật?

1. Mất đoạn
2. Đảo đoạn
3. Lặp đoạn
4. Đột biến gen

CÂU 9: Nhận định nào sau đây sai?

1. Mất một đoạn nhỏ nhiễm sắc thể 21 ở người gây ra bệnh ung thư máu ác tính
2. Mất một đoạn nhỏ nhiễm sắc thể số 5 gây ra hội chứng tiếng mèo kêu
3. Lặp đoạn ở lúa đại mạch làm tăng hoạt tính enzim amilaza.
4. Mất một đoạn nhỏ nhiễm sắc thể 21 ở người gây ra hội chứng Đao

CÂU 10: Vì sao đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể gây hại cho con người và sinh vật.

1. Vì phá vỡ sự sắp xếp hài hòa của các gen trên nhiễm sắc thể
2. Vì thay đổi số lượng các gen trên nhiễm sắc thể
3. Vì thay đổi trình tự sắp xếp các gen trên nhiễm sắc thể
4. Vì làm thay đổi cấu trúc của các gen trên nhiễm sắc thể

CÂU 11: Đột biến dị bội là:

1. đột biến làm thay đổi số lượng của 1 hay vài cặp nhiễm sắc thể
2. đột biến làm thay đổi số lượng của 1 cặp nhiễm sắc thể.
3. đột biến làm thay đổi số lượng của tất cả các cặp nhiễm sắc thể.
4. đột biến làm tăng một số nguyên lần bộ nhiễm sắc thể đơn bội của loài và lớn hơn 2n.

CÂU 12: Đột biến đa bội là:

1. đột biến làm thay đổi số lượng của 1 hay vài cặp nhiễm sắc thể
2. đột biến làm thay đổi số lượng của 1 cặp nhiễm sắc thể.
3. đột biến làm thay đổi số lượng của vài cặp nhiễm sắc thể.
4. đột biến làm tăng một số nguyên lần bộ nhiễm sắc thể đơn bội của loài và lớn hơn 2n.

CÂU 13: Dựa vào dấu hiệu nào ta có thể nhận biết thể đa bội ở thực vật bằng mắt thường?

1. Số lượng hạt trong quả.
2. Hàm lượng ADN trong tế bào.
3. Số lượng NST.
4. Kích thước của cơ quan sinh dưỡng và sinh sản lớn hơn bình thường.

CÂU 14: Vì sao nói sự tương quan giữa số lượng nhiễm sắc thể với kích thước của tế bào là tỉ lệ thuận với nhau?

1. vì khi số lượng nhiễm sắc thể tăng làm tăng hàm lượng ADN trong tế bào dẫn đến tăng cường quá trình trao đổi chất, làm tăng kích thước tế bào.
2. vì khi kích thước tế bào tăng sẽ làm tăng số lượng nhiễm sắc thể .
3. vì ta bón phân đầy đủ thì cơ quan sinh dưỡng và sinh sản sẽ tăng
4. vì chất lượng giống cây trồng

CÂU 15: Một loài có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội 2n = 20. Tính số nhiễm sắc thể của loài này khi ở thể tứ bội?

1. 10
2. 30
3. 40
4. 80

CÂU 16: Loại biến dị nào sau đây không di truyền được?

1. Đột biến gen.
2. Đột biến NST.
3. Thường biến.
4. Biến dị tổ hợp.

CÂU 17: Vai trò của thường biến là:

1. Biến đổi cá thể.
2. Giúp sinh vật thích nghi với môi trường.
3. Di truyền cho đời sau.
4. Thay đổi kiểu gen của cơ thể.

CÂU 18: Một trong những đặc điểm của thường biến là:

1. Biến đổi kiểu gen dưới tác động của môi trường.
2. Biến đổi kiểu hình do đột biến.
3. Biến đổi kiểu gen dẫn đến biến đổi đồng loạt về kiểu hình.
4. Biến đổi kiểu hình không liên quan đến kiểu gen.

CÂU 19: Kiểu hình là kết quả của:

1. tương tác giữa kiểu gen và môi trường.
2. Sự tương tác giữa kiểu hình và môi trường.
3. Sự tương tác giữa môi trường và đất đai.
4. Sự tương tác giữa kĩ thuật và chăm sóc.

CÂU 20: Thường biến xảy ra mang tính chất:

1. Riêng lẻ, cá thể và không xác định.
2. Luôn luôn di truyền cho thế hệ sau.
3. Đồng loạt, theo hướng xác định, tương ứng với điều kiện ngoại cảnh.
4. Một số trường hơp thường biến có khả năng di truyền.

CÂU 21: Mức phản ứng do yếu tố nào quy định?

1. Kiểu hình của cơ thể.
2. Điều kiện môi trường.
3. Kiểu gen của cơ thể.
4. Thời kì sinh trưởng và phát triển.

CÂU 22: Đặc điểm nào sau đây có ở thường biến nhưng không có ở đột biến?

1. Xảy ra đồng loạt và xác định.
2. Biểu hiện trên cơ thể khi phát sinh.
3. Kiểu hình của cơ thể thay đổi.
4. Do tác động của môi trường sống.

CÂU 23: Biểu hiện nào dưới đây là của thường biến?

1. Ung thư máu do mất đoạn trên NST số 21.
2. Bệnh Đao do thừa 1 NST số 21 ở người.
3. Ruồi giấm có mắt dẹt do lặp đoạn trên NST giới tính.
4. Sự biến đổi màu hoa theo pH của đất.

CÂU 24: Nội dung nào sau đây **không đúng**?

1. Kiểu gen quy định giới hạn của thường biến.
2. Giới hạn của thường biến phụ thuộc vào môi trường.
3. Bố mẹ không di truyền cho con tính trạng hình thành sẵn mà di truyền một kiểu gen.
4. Kiểu hình là kết quả của sự tương tác giữa kiểu gen và môi trường.
* HẾT -